

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC CỦA VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (tiếp theo kỳ trước)

PHẠM VĂN VANG^(*)

Xuất phát từ đặc điểm, tình hình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006-2010 trong cả nước nói chung và ở Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Viện KHXN Việt Nam) nói riêng, từ tình hình và nhiệm vụ chính trị cụ thể do Đảng và Nhà nước giao cho Viện, bài viết trình bày về các nội dung cải cách hành chính chủ yếu của Viện giai đoạn 2006-2010 gồm: tiếp tục cải cách nhiệm vụ xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kế hoạch và dự toán ngân sách; tiếp tục cải tiến phương thức phân bổ kinh phí đối với các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học; tiếp tục cải cách và đổi mới phương thức, quy trình tuyển chọn, xét duyệt và đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học; nghiên cứu, xây dựng đề án đầu tư tài chính theo sản phẩm đầu ra của các chương trình, đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học... hướng tới thực hiện cơ chế về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư và sản phẩm khoa học, giảm bớt các thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học...

Phần thứ hai: Cải cách hành chính trong các lĩnh vực kế hoạch- tài chính và quản lý khoa học giai đoạn 2006-2010

1. Đặc điểm tình hình cải cách hành chính giai đoạn 2006-2010

Giai đoạn 2006-2010 là giai đoạn thế giới và trong nước có nhiều biến đổi quan

trọng, Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã chỉ ra đó là thời kỳ cả nước phải phấn đấu để thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta đến năm 2010, trong đó có Chiến lược phát triển

^(*)TS., Trưởng ban Ban Kế hoạch-Tài chính, Viện Khoa học xã hội Việt Nam

khoa học và công nghệ (KH&CN). Vì vậy, cải cách hành chính giai đoạn 2006-2010 phải tiếp tục được đẩy mạnh. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Về mặt tổng thể, tiến trình cải cách hành chính giai đoạn 2006-2010 chịu sự tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố, trong đó đáng chú ý là:

1. Bước chuyển quan trọng về chất từ nền kinh tế kế hoạch hoá sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ có tác động sâu sắc tới mọi hoạt động của cả hệ thống hành chính nhà nước, bao gồm các cơ quan sự nghiệp khoa học. Điều đó đòi hỏi các cơ quan hành chính và sự nghiệp khoa học phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp với điều kiện mới của đất nước.

2. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng và toàn diện hơn vừa tạo ra thời cơ vừa đặt ra thách thức mới đối với cải cách nền hành chính ở nước ta. Nền kinh tế càng mở rộng và thực hiện nhiều cam kết hội nhập quốc tế thì nền hành chính càng phải chủ động và linh hoạt trong việc cải cách, đổi mới mạnh mẽ mọi lĩnh vực. Năng lực hoạch định chính sách và cải cách trong việc thể chế hoá nền hành chính của đội ngũ cán bộ công chức ở tầm vĩ mô đòi hỏi phải theo kịp trình độ hội nhập quốc tế mới có thể tạo ra sự phát triển của đất nước. Mặt khác, đội ngũ cán bộ, công chức hành chính có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các thể chế, chính sách và pháp luật trong quá trình quản lý sự phát triển và hội nhập quốc tế.

3. Quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội, phát huy dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học sẽ thu hút sự tham gia của nhiều người vào quản lý nhà nước và tính chất công khai, minh bạch và sự

đổi mới thể chế, chính sách cũng như thủ tục hành chính buộc các cơ quan hành chính và sự nghiệp phải đẩy mạnh cải cách hành chính cả về nội dung và phương thức hoạt động.

4. Các tiến bộ KH&CN, đặc biệt là yêu cầu hiện đại hoá nền hành chính điện tử và việc thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong giai đoạn 2006-2010 sẽ đòi hỏi các cơ quan hành chính và sự nghiệp khoa học phải đẩy mạnh hơn nữa việc cải cách hành chính và đổi mới phương thức quản lý.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006-2010 trong các lĩnh vực kế hoạch - tài chính và quản lý khoa học của Viện KHXH Việt Nam

Chương trình tổng thể về tổ chức hành chính nhà nước giai đoạn 2006-2010 đã xác định rõ 4 nhiệm vụ chủ yếu: *Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; hiện đại hoá nền hành chính nhà nước; đồng thời cũng đặt ra 7 nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính trong năm 2006*, trong đó đáng chú ý là một số nhiệm vụ có liên quan đến các cơ quan sự nghiệp khoa học là:

- Tiếp tục làm rõ và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức trong tổ chức bộ máy.

- Triển khai trên diện rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Thực hiện thường xuyên công tác

kiểm tra, thanh tra công vụ trong các cơ quan hành chính các cấp.

- Thực hiện chương trình hiện đại hoá nền hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ và từng bước xoá bỏ tình trạng quan liêu trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện một số nội dung cụ thể của nền hành chính điện tử.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong triển khai cải cách hành chính.

Đối với các cơ quan sự nghiệp khoa học như Viện KHXH Việt Nam, cải cách hành chính giai đoạn 2006-2010 cũng không ngoài 4 nhiệm vụ chủ yếu của cả giai đoạn và một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 2006 của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước nêu trên. Tuy nhiên, do đặc điểm là cơ quan sự nghiệp KHXH, nên nhiệm vụ cải cách hành chính của Viện KHXH Việt Nam giai đoạn 2006-2010 có những yêu cầu riêng phù hợp với tính chất và đặc điểm của một cơ quan nghiên cứu KHXH.

Trong các lĩnh vực kế hoạch - tài chính và quản lý khoa học của Viện KHXH Việt Nam giai đoạn 2006-2010 cần tập trung triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục cải cách nhiệm vụ xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kế hoạch và dự toán ngân sách

Kế hoạch là công cụ chủ yếu để quản lý, do đó đổi mới công tác kế hoạch hoá để nâng cao chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần thực hiện một số yêu cầu sau:

- Kế hoạch phải trở thành khâu tiếp nối, cụ thể hoá của chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển các ngành

KHXH. Do đó kế hoạch phải là chương trình hành động cụ thể của định hướng phát triển. Điều này đòi hỏi nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển phải đi trước một bước. Trên thực tế, chiến lược phát triển KH&CN nước ta giai đoạn 2001-2010 đã được xây dựng, nhưng chiến lược phát triển KHXH mới chỉ là một bộ phận trong chiến lược phát triển KH&CN. Vì vậy, mặc dù công tác xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm của các ngành KHXH được đẩy mạnh, song vẫn không tránh khỏi sự thiếu căn, chấp vá, thiếu hệ thống trong thời gian qua. Hiện nay, *Quy hoạch tổng thể phát triển Viện KHXH Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, song, việc cụ thể hoá Quy hoạch đó trong việc xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm đang còn là một khoảng cách. Trước mắt, đề nghị Nhà nước căn cứ vào Quy hoạch tổng thể của Viện đã được phê duyệt, để xác định nhiệm vụ cụ thể và đầu tư ngân sách hàng năm trên cơ sở Quy hoạch được duyệt nhằm tránh việc kế hoạch phải thay đổi, thiếu nguồn vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

- Kế hoạch nhất thiết phải dựa trên những cơ sở dự báo khoa học chính xác. Đây là một đòi hỏi mang tính chất cấp thiết và khách quan. Vì quản lý khoa học dựa trên công cụ chủ yếu là kế hoạch đòi hỏi chủ thể quản lý phải quán xuyên được những vấn đề hiện tại, đồng thời phải dự báo được tương lai của sự phát triển khoa học và nhu cầu xã hội, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và hoạch định chính sách bảo đảm các hoạt động KHXH có hiệu quả. Để thực hiện được điều này đòi hỏi phải có những dự báo khoa học (về triển vọng của nền kinh tế với những nhu cầu, tiềm năng và xu hướng phát triển, những

nguồn lực phát triển và khả năng hội nhập trong tương lai). Nếu thiếu những kết quả dự báo khách quan thì thiếu hẳn cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược, quy hoạch cũng như xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn. Vai trò của công tác dự báo khoa học vì thế hết sức quan trọng, nhưng đến nay, các ngành KH&CN của nước ta nói chung, Viện KHXH Việt Nam nói riêng vẫn chưa xây dựng được một hệ thống dự báo khoa học. Trung tâm Phân tích và Dự báo của Viện KHXH Việt Nam mới được thành lập, cũng chỉ là cơ sở ban đầu để khắc phục dần tồn tại nêu trên. Cần phải thành lập các cơ sở dự báo khoa học tại các đơn vị trực thuộc để tạo thành một hệ thống cơ sở dự báo trong các lĩnh vực KHXH. Trên cơ sở đó xây dựng cơ sở dự báo khoa học phục vụ một cách đặc lực và hiệu quả cho việc hoạch định chiến lược, quy hoạch và các loại kế hoạch phát triển khoa học theo yêu cầu phát triển của đất nước, cũng như yêu cầu phát triển của chính các ngành KHXH nước ta.

- Bảo đảm tính đồng bộ, cân đối trong xây dựng kế hoạch. Bản thân kế hoạch là một hệ thống phức hợp bao gồm nhiều tiểu hệ thống cấu thành với thứ bậc khác nhau, nhưng lại thống nhất với nhau trong một tổng thể, trong đó kế hoạch chương trình, đề tài nghiên cứu là trọng tâm, thể hiện những mục tiêu cơ bản, những nhiệm vụ quan trọng, những vấn đề nóng bỏng, bức thiết của đời sống thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước phải giải đáp. Phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch trọng tâm nêu trên là hệ thống các kế hoạch bộ phận (hoạt động tạp chí, xuất bản, hợp tác quốc tế, thông tin-tư liệu-thư viện, đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ khoa học). Và việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch bộ phận ấy sẽ ảnh hưởng tích cực hay thiếu tích cực đến kết quả thực hiện kế hoạch

trọng tâm trong từng thời kỳ. Như vậy, *bảo đảm tính đồng bộ, cân đối hợp lý và sự phối hợp chặt chẽ giữa các kế hoạch bộ phận trong cả hệ thống kế hoạch tổng thể là yêu cầu hết sức quan trọng của công tác kế hoạch hoá*. Chúng ta đã có nhiều bài học trước đây về xây dựng kế hoạch thiếu đồng bộ và không cân đối, đã dẫn đến tình trạng kế hoạch hoặc nằm trên giấy, hoặc phải sửa chữa nhiều lần, đào tạo không ăn nhập với sử dụng, xây dựng cơ sở vật chất vừa thừa lại vừa thiếu; kinh phí không đáp ứng yêu cầu nhưng bố trí chưa hợp lý phải điều chỉnh nhiều lần trong năm (khi Luật Ngân sách chưa sửa đổi mỗi năm phải cấp phát kinh phí theo quý, thậm chí theo tháng) trong khi tình trạng thanh quyết toán ngân sách hàng năm không hết lại phải chuyển một phần nợ sang năm sau. Đó là biểu hiện của việc xây dựng kế hoạch và dự toán chưa khoa học và kém hiệu quả. Những năm gần đây, nhất là khi Luật Ngân sách đã sửa đổi, không còn tình trạng khuyết điểm nặng nề như trên, song việc xây dựng kế hoạch của một số đơn vị vẫn còn chưa sát với khả năng, mặc dù việc xây dựng kế hoạch của Viện KHXH Việt Nam ngày càng sát với thực tế hơn như đã trình bày ở phần trên.

- Trong kế hoạch của Viện KHXH Việt Nam giai đoạn 2006-2010, trọng tâm vẫn là *kế hoạch các chương trình, đề tài nghiên cứu và kế hoạch các hoạt động khoa học khác*. Trong điều kiện đầu tư của Nhà nước đối với KH&CN hiện nay nói chung, đối với KHXH nói riêng tương đối ổn định, lý luận hay thực tiễn đều khẳng định, *phương pháp đầu tư theo các chương trình, đề tài nghiên cứu có mục tiêu là tối ưu hơn cả*. Vì chương trình có mục tiêu nhằm giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng khác nhau do đời sống thực tiễn đặt ra, liên quan đến nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội, mà việc giải quyết những

yêu cầu của nó sẽ mang lại những kết quả to lớn, có tác dụng thiết thực trước mắt cũng như lâu dài đối với sự phát triển của đất nước và của bản thân các ngành khoa học. Hơn nữa, chương trình, đề tài nghiên cứu có mục tiêu sẽ huy động được nhiều lực lượng tham gia, là nơi phối hợp nghiên cứu liên ngành, tạo điều kiện cho các khoa học thâm nhập vào nhau và gắn với thực tiễn, cho phép rút ngắn quá trình tự nghiên cứu và mang lại kết quả nhanh, có độ tin cậy cao. Dưới góc độ kinh tế, chương trình có mục tiêu là nơi đồng vốn đầu tư được tập trung và sử dụng có hiệu quả, khắc phục tình trạng phân tán, nguồn lực được tập trung cho việc thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu. Chương trình khoa học nghiên cứu có mục tiêu còn thích hợp với điều kiện hoạt động khoa học mà vốn đầu tư còn hạn chế. Đương nhiên, việc xây dựng và thực hiện các chương trình nghiên cứu có mục tiêu muốn đạt kết quả tốt còn phải dựa *trên cơ sở đầy mạnh nghiên cứu cơ bản, coi đầu tư cho nghiên cứu cơ bản là đầu tư cho phát triển*. Bởi vậy, giai đoạn tới, việc hình thành các chương trình cấp viện là cần thiết, thực sự đổi mới hệ đề tài nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực KHXH và NV.

Cho nên, cải cách hành chính trong thời gian tới của các cơ quan KHXH nói chung, của Viện KHXH Việt Nam nói riêng, vẫn phải lấy *cải cách việc xây dựng và thực hiện các chương trình nghiên cứu cấp bộ, cấp viện là trọng tâm*.

2. Tiếp tục cải cách phương thức phân bổ kinh phí đối với các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học

Trong giai đoạn 2001-2005, mặc dù đã có những bước đổi mới quan trọng trong việc phân bổ kinh phí đối với các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học, song hiện nay vẫn còn câu hỏi phải đặt ra: việc phân bổ kinh phí theo phương thức nào là hợp

lý, bảo đảm công bằng giữa các đơn vị cũng như giữa các cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu. Đã có thời kỳ, Viện KHXH Việt Nam phân bổ kinh phí đầu vào cho hệ đề tài cấp viện theo các loại cán bộ: Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Cử nhân, Trung cấp, Sơ cấp; Phân bổ kinh phí đối với lĩnh vực quản lý bộ máy dựa trên hàng chục tiêu chí khác nhau. Điều đó đã gây ra những khó khăn trong việc tính toán phân bổ kinh phí của các cơ quan quản lý, và các Viện nghiên cứu cũng gặp không ít khó khăn trong việc tổ chức thực hiện, nhất là kinh phí đầu tư phát huy tiềm lực khoa học, thực hiện đề tài cấp viện. Việc phân bổ kinh phí cho chương trình, đề tài cấp bộ đã có bước tiến rõ rệt *theo loại hình đề tài (5-7 loại)* dựa trên tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu để bố trí kinh phí. Hoạt động thông tin-tư liệu-thư viện, mua sách báo ngoại nhập và sách báo trong nước phục vụ nghiên cứu được phân bổ kinh phí theo 2 căn cứ chủ yếu: *đầu tư cơ bản theo đơn vị thư viện* chiếm 50% tổng kinh phí (bao gồm cả việc điều tiết đối với những đơn vị mới thành lập), 50% kinh phí còn lại đầu tư theo đầu cán bộ, công chức. Hoạt động tạp chí, xuất bản được đầu tư theo các tiêu chí về kỹ thuật rất chi tiết và cụ thể.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục cải cách, đổi mới phương thức phân bổ kinh phí đối với các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học là hết sức cần thiết, trong đó cải cách việc phân bổ kinh phí cho các chương trình, đề tài và hoạt động bộ máy là trọng tâm với phương châm tạo ra những thuận lợi cho việc phân bổ cũng như sử dụng hợp lý kinh phí, kích thích người sử dụng kinh phí phát huy khả năng của mình đối với sự phát triển KHXH. Cần *xây dựng một hệ thống tiêu chí phân bổ kinh phí khách quan* đối với từng lĩnh vực hoạt động khoa học và phục

vụ khoa học sao cho hợp lý, thể hiện rõ nội dung, tính chất đặc thù của từng loại hình, đồng thời phải dựa theo trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ để đầu tư nhằm khai thác, phát huy tiềm năng trí tuệ của các thể hệ cán bộ khoa học trong từng lĩnh vực KHXXH. Nguyên tắc phân bổ kinh phí bảo đảm tính hợp lý, công bằng, công khai, dân chủ, thực sự mang lại những kết quả mong muốn cho người đầu tư cũng như người được sử dụng kinh phí đầu tư.

3. Tiếp tục cải cách, đổi mới phương thức và quy trình tuyển chọn, xét duyệt và đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học

Để thực hiện cải cách, đổi mới phương thức và quy trình tuyển chọn, xét duyệt các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học, đòi hỏi Viện KHXXH Việt Nam phải chủ động xây dựng kế hoạch các chương trình, đề tài, dự án cho năm sau trước 6-8 tháng. Đây là yêu cầu cần thiết nhằm có đủ thời gian cần thiết để lựa chọn các chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện thông qua phương thức tuyển chọn “đấu thầu” hoặc giao trực tiếp theo cơ chế “đặt hàng” một cách tốt nhất. Đi đôi với việc đổi mới cơ chế xét duyệt, cần đổi mới các giải pháp quản lý nhằm thúc đẩy các chương trình, đề tài, dự án khoa học hoàn thành, tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả. Kiên quyết thực hiện giải pháp quản lý: kết thúc nhiệm vụ cũ mới giao nhiệm vụ mới theo Quy chế quản lý khoa học đã ban hành. Tuyệt đối không giao vượt quá số lượng đề tài, nhiệm vụ cho một cán bộ khoa học trong cùng một thời gian, dù đó là nhiệm vụ cấp bách. Có như vậy mới khắc phục được nhược điểm kéo dài thời gian thực hiện so với hợp đồng khoa học đã ký kết; đồng thời khắc phục được tình trạng nợ đọng tài chính do không hoàn thành các đề tài để nghiệm thu, thanh quyết toán tài chính.

4. Nghiên cứu, xây dựng đề án đầu tư tài chính theo sản phẩm đầu ra của các chương trình, đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học; Thực hiện cơ chế về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư và sản phẩm khoa học, giảm bớt các thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học là yêu cầu cấp thiết hiện nay

Đây là yêu cầu cải cách có ý nghĩa thiết thực nhất trong các cơ quan KH&CN nói chung, các cơ quan KHXXH nói riêng. Hiện nay, Viện KHXXH Việt Nam cần tiếp tục hoàn chỉnh những căn cứ để đầu tư kinh phí theo loại hình đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học. Trong đó các yếu tố cấu thành chi phí của từng loại hình đề tài, nhiệm vụ khoa học là rất quan trọng, quyết định mức đầu tư hợp lý và bảo đảm tính khách quan cho việc thực hiện cơ chế “khoán gọn” kinh phí theo loại hình đề tài, nhiệm vụ khoa học. Trong các yếu tố cấu thành chi phí, đáng chú ý nhất là kinh phí chuẩn bị, khai thác các tài liệu đã có và đặc biệt là chi phí điều tra, khảo sát thực tiễn trong nước và nước ngoài. Khi đã đủ căn cứ hình thành mức đầu tư theo loại hình đề tài, có thể áp dụng phương thức đầu tư theo giao khoán, trước mắt là thực hiện “khoán việc” theo từng công đoạn của quy trình nghiên cứu. Về lâu dài, nếu được Nhà nước cho phép sẽ xây dựng đề án đầu tư tài chính theo sản phẩm đầu ra của các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học nhằm tạo ra những thuận lợi nhiều mặt cho các nhà khoa học, đặc biệt là giảm nhiều thời gian phi khoa học đối với các thủ tục giấy tờ thanh quyết toán tài chính, điều đó có nghĩa là tăng thêm thời gian vật chất cho công tác nghiên cứu, sáng tạo khoa học và khám phá chân lý.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất

lượng các hội đồng tuyển chọn cũng như đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu các chương trình, đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học

Không nhất thiết phải tập trung theo thời gian nhất định để tổ chức tuyển chọn, nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học. Song về nguyên tắc phải hoàn thành việc nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ, dự án cũ mới được đăng ký tuyển chọn (đấu thầu) hoặc giao đề tài, nhiệm vụ, dự án mới. Vì vậy, cần tổ chức việc nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau, để từ tháng 6 đến tháng 11 tổ chức xét duyệt đề cương, tuyển chọn chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện để đưa vào kế hoạch, lập dự toán cho năm sau và giao dự toán vào tháng 12 năm tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Quy trình này bảo đảm tính chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học; đồng thời tạo điều kiện rải đều nhiệm vụ tuyển chọn (đấu thầu), bảo vệ đề cương cũng như tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học trong thời gian cả năm một cách khoa học. Điều đó càng hợp lý hơn khi đội ngũ cán bộ khoa học có uy tín, nhất là đội ngũ chuyên gia khoa học thuộc các Viện nghiên cứu mới có thể dành thời gian tham gia các hội đồng tuyển chọn (đấu thầu), bảo vệ đề cương hoặc hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu.

Về phương thức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học cũng cần tiếp tục được đổi mới nhằm nâng cao chất lượng các hội đồng. Phương thức tổ chức nghiệm thu theo 2 cấp: *cấp cơ sở và cấp chính thức như hiện nay là hoàn toàn thích hợp, nâng cao rõ rệt chất lượng đánh giá kết quả nghiên*

cứu của đề tài khoa học. Song, đó mới chỉ là kết quả đánh giá về mặt định lượng và cũng mới chỉ là đánh giá về mặt lý thuyết đơn thuần. Vì việc đánh giá chất lượng một công trình KHXX không hoàn toàn giống như đánh giá các công trình nghiên cứu trong khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, càng không thể giản đơn như xem xét giá trị sử dụng của một loại hàng hoá thông thường nào đó. Sản phẩm của KHXX là một loại sản phẩm khác biệt, thể hiện chủ yếu tính chất lao động sáng tạo của tư duy được biểu hiện thành quan điểm, hệ tư tưởng mà rất khó lượng hoá các sản phẩm và kết quả nghiên cứu. Vì đó chính là những ý tưởng, quan điểm, kiến nghị giải pháp có ý nghĩa tác động tích cực tới hoạt động thực tiễn và đề xuất quan điểm lý luận gắn với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cho nên, hiệu quả của nghiên cứu KHXX *mang tính chất tổng hợp của nhiều loại hiệu quả, trong đó quan trọng nhất là hiệu quả chính trị-xã hội.* Hơn nữa, tác động của các sản phẩm KHXX đem lại đối với xã hội *thường là rộng lớn, lâu dài và mang tính toàn diện,* nhất là khi những đề xuất, kiến nghị của đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học được sử dụng, góp phần vào việc hoạch định đường lối, chính sách, xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội-văn hoá của đất nước. Do đó, không thể thuần túy nhìn vào những kết quả đem lại trước mắt, hoặc đơn thuần chỉ xem xét trên bình diện hiệu quả kinh tế, mà còn phải dựa trên quan điểm *hiệu quả tổng hợp, lâu dài và toàn diện, trong đó đặc biệt chú ý tới hiệu quả chính trị-xã hội.* Cho nên, phải có những quy trình, phương thức đánh giá, nghiệm thu kết quả thích hợp đối với các đề tài KHXX, ngoài phương thức đánh giá công khai của hội đồng nghiệm thu như hiện nay, tất nhiên còn phải đề cao hơn nữa trách nhiệm của các thành viên hội đồng trong việc đánh giá, nghiệm thu kết

quả nghiên cứu: (không thiên vị, nể nang, dành đủ thời gian nghiên cứu sản phẩm của đề tài, đánh giá khách quan kết quả thực tế của đề tài, nhất là những kết luận khoa học của hội đồng trước các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN các cấp); đồng thời còn phải kết hợp với phương pháp đánh giá (phản biện) kín (giữa người đánh giá và người được đánh giá), và đánh giá độc lập (giữa các thành viên đánh giá trong hội đồng) nhằm tăng thêm tính khách quan, trung thực và nghiêm túc trong việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học. Trong thời gian tới, theo chúng tôi, cần phải tiến tới tổ chức việc đánh giá đề tài KHXH *do một cơ quan độc lập, nằm ngoài các cơ quan quản lý các cấp, có chức năng và nhiệm vụ đánh giá kết quả nghiên cứu*. Có như vậy thì việc đánh giá mới thực sự khách quan và có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của việc đánh giá các công trình KHXH đặt ra. Hơn nữa quy trình đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ, dự án KHXH nói chung không nên dừng lại ở việc đánh giá như hiện nay (sau khi đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học hoàn thành), mà phải tiếp tục đánh giá ở những thời điểm tiếp theo để xác định rõ hiệu quả kinh tế-xã hội của đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học đem lại. Sau 5-10 năm hoặc dài hơn, kể từ khi đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học hoàn thành và nghiệm thu, cần phải đánh giá thêm *sự chấp nhận của xã hội đối với kết quả nghiên cứu của đề tài đem lại trên các tiêu chí: mức độ thừa nhận của xã hội, phạm vi ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi sản phẩm khoa học được công bố; bao nhiêu tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoặc sử dụng (trích dẫn) vào các công trình khoa học; giáo trình giảng dạy, đào tạo cán bộ hoặc văn bản quản lý, v.v...* Trong thời gian 5-10 năm sau khi đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học hoàn thành và nghiệm thu, nếu tiến hành đánh giá

hiệu quả kinh tế-xã hội của đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học, tức là khoa học đã được thực tiễn kiểm nghiệm, chúng ta mới thấy rõ những giá trị khoa học đích thực đem lại của đề tài, nhất là những kết luận khoa học, những đề xuất, kiến nghị được các cơ quan hoạch định đường lối chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, nêu rõ tác dụng của sản phẩm đề tài đem lại. Và trên cơ sở này, mới đầy đủ cơ sở đánh giá và xét tặng *các danh hiệu cao quý như giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước đối với những công trình KHXH* thực sự có ý nghĩa đối với khoa học cũng như đối với thực tiễn đời sống xã hội.

6. Tăng cường và đổi mới phương thức kiểm tra đối với mọi hoạt động khoa học, phục vụ khoa học và tài chính là yêu cầu cần thiết

Kiểm tra vừa là biện pháp quản lý thúc đẩy tiến độ thực hiện các hoạt động khoa học và tài chính, nhất là các chương trình, đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học, vừa là biện pháp để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động khoa học và tài chính. Bởi vậy các cơ quan quản lý nhà nước và của Viện KHXH Việt Nam, một mặt cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra dưới nhiều hình thức, mặt khác kết hợp với thủ trưởng các đơn vị chủ trì, chủ nhiệm các chương trình, đề tài, dự án khoa học để tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện các đề tài, dự án khoa học, đặc biệt đối với những đề tài, vì những lý do khách quan hay chủ quan, khả năng không hoàn thành tiến độ nhiệm vụ được giao. Cần sửa đổi những điều ghi trong hợp đồng khoa học *về việc kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học trở thành những điều ràng buộc trách nhiệm giữa 2 bên (A và B)* thay cho việc cấp phát kinh phí theo tiến độ (vì hiện nay mỗi năm, theo Luật Ngân sách sửa đổi chỉ giao

dự toán ngân sách một lần vào cuối năm trước và tháng 9 năm sau có thể xin phép điều chỉnh kế hoạch và dự toán), đồng thời thực hiện chế độ kiểm tra và báo cáo định kỳ 6 tháng một lần đối với đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học là yêu cầu cần thiết.

Cần đổi mới phương thức kiểm tra cho phù hợp và thiết thực trong điều kiện hiện nay, có thể cử thành đoàn kiểm tra có nội dung, chương trình và thời gian làm việc cụ thể; cán bộ lãnh đạo và chuyên viên quản lý làm việc trực tiếp với chủ nhiệm đề tài trong thời gian ngắn, có thể mời đại diện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài và những người tham gia chủ chốt làm việc với cơ quan quản lý, v.v Trong thực tế, nơi nào chú trọng công tác kiểm tra các hoạt động khoa học và tài chính, thì nơi đó đẩy nhanh được tiến độ triển khai, nâng cao được chất lượng sản phẩm khoa học. Các đề tài nhiệm vụ khoa học nào bảo đảm được các yêu cầu về lực lượng cán bộ và tài chính, chú trọng sinh hoạt học thuật và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện thì đề tài, nhiệm vụ khoa học đó thực hiện tốt, đạt kết quả cao.

7. Tiếp tục hoàn chỉnh các quy chế, quy định đã có, xây dựng mới các quy chế, quy định còn thiếu, bảo đảm mọi lĩnh vực hoạt động đều được thể chế hoá bằng các văn bản pháp quy là nội dung cải cách hành chính quan trọng trong giai đoạn 2006-2010 của Viện KHXH Việt Nam

Cho đến nay, Viện KHXH Việt Nam cơ bản đã xây dựng và ban hành thực hiện được một hệ thống các quy chế, quy định, từ các lĩnh vực hoạt động khoa học như chương trình, đề tài, dự án, hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, công tác thông tin-tư liệu-thư viện, tạp chí, xuất bản v.v đến các lĩnh vực hoạt động hợp tác quốc tế, tổ chức và đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khoa học đều có quy chế hoặc quy

định quản lý. Lĩnh vực tài chính cũng có quy chế quản lý nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích đối với từng đối tượng sử dụng, quản lý, thanh quyết toán tài chính trên cơ sở của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của Viện KHXH Việt Nam. Các hoạt động phục vụ khoa học khác như công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, sử dụng xe ô tô, máy móc thiết bị, v.v đều có quy chế hoặc quy định quản lý, sử dụng cụ thể.

Tuy nhiên, một số quy chế, quy định đến nay đã trở nên bất cập trước những yêu cầu mới của cải cách hành chính, cũng như những đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đặc biệt trước yêu cầu mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế toàn diện khi chúng ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sắp tới. Bởi vậy, Viện KHXH Việt Nam cần phải bổ sung, hoàn chỉnh các quy chế, quy định đã có, đồng thời khẩn trương xây dựng mới những văn bản quy chế, quy định còn thiếu nhằm bảo đảm mọi lĩnh vực hoạt động của Viện đều có những văn bản pháp quy dưới luật điều chỉnh, góp phần thực hiện có hiệu quả mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho Viện.

Để phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trong các lĩnh vực kế hoạch-tài chính và quản lý khoa học giai đoạn 2006-2010 nói trên được thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả cao, trong thời gian tới, Viện KHXH Việt Nam cần cụ thể hoá chương trình và nội dung cải cách hành chính nêu trên thành các nhiệm vụ cụ thể và phân công chuẩn bị, xét duyệt đầy đủ, xác định lộ trình và những bảo đảm cần thiết về thời gian, lực lượng và đầu tư kinh phí cho cả giai đoạn 2006-2010, cũng như cho từng năm, bắt đầu từ năm 2006 cho đến các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm 2006-2010.